TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST.

Ngày: 04-3-2022

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hinh và ông K'Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số A, Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Ka U. Địa chỉ: Số A, Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2021 và các tài liệu chứng cứ, của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Quá trình quen biết ông nhiều lần cho bà Ka U vay tiền. Vào ngày 25-12-2017 hai bên chốt nợ và viết giấy vay tiền, theo đó bà Ka U vay của ông số tiền 11.970.000 đồng. Bà Ka U có ký tên xác nhận vay tiền, thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, thời hạn trả ngày 25-12-2018.

Đến ngày 25-12-2017 ông và bà Ka U chốt nợ, theo đó bà Ka U còn nợ ông số tiền vay 12.555.000 đồng, hai bên tiếp tục thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, thời hạn trả ngày 31-12-2019, bà Út ký tên "Ka U" xác nhận. Nay ông yêu cầu bà Ka U có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay còn nợ gốc 12.555.000 đồng, tiền lãi: Tính từ ngày 26-12-2018 đến ngày 31-12-2019 là 12,2 tháng x 1,67%/tháng x 12.555.000 đồng = 7.155.000 đồng; Tính từ ngày 01-01-2020 đến ngày 04-3-2022 là 26 tháng (*chỉ tính tròn 26 tháng*) x 1,67%/tháng x 1,5 x 12.555.000 đồng = 8.163.000 đồng; Tổng cộng là 23.273. 000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 25-12-2017.

Tại phiên tòa bị đơn bà Ka U vắng mặt không rõ lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi và niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng bà Ka U đều vắng mặt, nên Tòa án không lấy lời khai của bà Ka U được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T. Buộc bị đơn bà Ka U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền vay gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Ka U. Bà Ka U đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa bị đơn bà Ka U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện bà Ka U vay số tiền là 12.555.000 đồng và tiền lãi của ông nhưng đến nay chưa trả hết. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Ka U là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 25-12-2017 ông Nguyễn Xuân T và bà Ka U chốt nợ, theo đó bà Ka U còn nợ ông Nguyễn Xuân T số tiền vay 11.970.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, thời hạn trả ngày 31-12-2018, bà Út ký tên "Ka U" xác nhận. Đến ngày 31-12-2018 hai bên chốt nợ, tiền lãi từ ngày 25-12-2017 đến ngày 25-12-

2018 là 12 tháng, mức lãi 1,8%/tháng, thành tiền là 2.585.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 14.555.000 đồng, bà Ka U trả tiền lãi 2.000.000 đồng, còn 12.555.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà Ka U có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay còn nợ gốc 12.555.000 đồng, tiền lãi: Tính từ ngày 26-12-2018 đến ngày 31-12-2019 là 12,2 tháng x 1,67%/tháng x 12.555.000 đồng = 7.155.000 đồng; Tính từ ngày 01-01-2020 đến ngày 04-3-2022 là 26 tháng (*chỉ tính tròn 26 tháng*) x 1,67%/tháng x 1,5 x 12.555.000 đồng = 8.163.000 đồng; Tổng cộng là 23.273. 000 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Giấy viết tay ngày 25-12-2017.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc vay tiền có viết giấy, bà Ka U ghi họ tên "Ka U" xác nhận vay tiền của ông Nguyễn Xuân T. Về tiền lãi: Giao dịch dân sự vay tài sản được thực hiện ngày 25-12-2017, hai bên thoả thuận 1,8%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân T yêu cầu mức lãi suất 1,67%/tháng đối với nợ gốc trong hạn và mức lãi 1,67%/tháng x 150% đối với nợ gốc quá hạn thì thấy: Mặc dù thỏa thuận về mức lãi suất vay của ông Nguyễn Xuân T và bà Ka U là tự nguyện, tuy nhiên vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần điều chỉnh lại như sau:

Từ ngày 25-12-2017 đến ngày 25-12-2018 là: 11.970.000 đồng x 12 tháng x 1,66%/tháng = 2.384.000 đồng. Bà Ka U đã trả 2.000.000 đồng, còn 384.000 đồng. Hai bên đã thỏa thuận tiền lãi chưa trả nhập vào tiền gốc.

Tiền lãi từ ngày 26-12-2018 đến ngày 31-12-2019 là: (11.970.000 đồng + 384.000 đồng) = 12.354.000 đồng x 12,17 tháng x 1,66%/tháng = 2.495.000 đồng.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 01-01-2020 đến ngày 04-3-2022 là: 12.354.000 đồng x 26 tháng (*chỉ tính tròn 26 tháng*) x 20%/năm x 150% = 8.030.000 đồng.

Tổng cộng bà Ka U phải trả cho ông Nguyễn Xuân T là 12.354.000 đồng + 2.495.000 đồng + 8.030.000 đồng = 22.879.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T đối với số tiền 23.273. 000 đồng - 22.879.000 đồng = 394.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Ka U đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, ông Nguyễn Xuân T khởi kiện bà Ka U là có cơ sở, cần áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc bà Ka U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền vay gốc là 12.555.000 đồng, tiền lãi là 7.155.000 đồng. Tổng cộng là 19.710.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Ka U phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T. Buộc bị đơn bà Ka U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền vay gốc 12.354.000 đồng, tiền lãi 10.525.000 đồng, tổng cộng là 22.879.000 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T đối với số tiền 394.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc bà Ka U phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 1.143.000 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ka U có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ